

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Cơ**

2. Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chu Thị Phương Thùy** - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham
gia phiên tòa: Ông **Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 382/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn R, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 5 thôn H, xã B, huyện Th, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 14 phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn R trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn R xác nhận ông và bà Nguyễn Thị Phương H kết hôn năm 1993, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân bế tắc, không tìm thấy tiếng nói chung. Ông R cho rằng bà H không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, để nợ nần xảy ra, tự lấy số đỏ đi cầm cố, lấy tài sản gia đình

mang đi bán. Nay ông R nhận thấy cuộc sống vợ chồng rất ngọt ngào, cuộc sống chung không thể kéo dài và ông không còn tình cảm với bà H nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương H.

- Về con chung: Ông Nguyễn R xác nhận ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1995 và Nguyễn Chiêm Tâm, sinh năm 1997. Hiện nay cả 02 con đều đủ tuổi thành niên nên không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn R xác nhận ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận những thông tin về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như ông Nguyễn R xác nhận là đúng, nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông R. Bà cho rằng gia đình nào cũng có mâu thuẫn xảy ra nhưng không đến mức trầm trọng như ông R trình bày, nguyên nhân chính ông R muốn ly hôn là do ông R ngoại tình. Bà vẫn còn yêu thương chồng con nên đề nghị được hòa giải, hàn gắn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận tôi và ông Nguyễn R có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1995 và Nguyễn Chiêm Tâm, sinh năm 1997. Hiện nay cả 02 con đều đủ tuổi thành niên nên không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận bà và ông Nguyễn R có 02 khối tài sản chung như sau:

+ 01 ngôi nhà và đất tại địa chỉ Tổ 14 phường H, quận L, TP Đà Nẵng, tài sản này ba mẹ bà H cho nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ 01 lô đất có diện tích 497m² tại xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đối với tài sản này bà yêu cầu chia theo tỷ lệ 50/50. Bà H tạm tính giá trị lô đất này là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận không có.

* Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hiện tại đã ly thân. Về con chung thì có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1995 và Nguyễn Chiêm Tâm, sinh năm 1997.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn R đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông R. Đề nghị HĐXX xử cho ông Nguyễn R ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương H; Về con chung: Ông Nguyễn R và bà Nguyễn Thị Phương H có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1995 và Nguyễn Chiêm Tâm, sinh năm 1997. Hiện nay cả 02 con đều đủ tuổi thành niên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận bà và ông Nguyễn R có 01 lô đất có diện tích 497m² tại xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đối với tài sản này bà H yêu cầu chia theo tỷ lệ 50/50. Bà H tạm tính giá trị lô đất này là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên bà H không thực hiện việc đóng án phí chia tài sản chung, không làm các thủ tục theo quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H có cư trú tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn R và bà Nguyễn Thị Phương H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, trên thực tế ông R và bà H đã sống ly thân, ông R chuyển về Thăng Bình, Quảng Nam sống từ lâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H cho rằng ông R ngoại tình nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời ông R không thừa nhận việc này, ông R cho rằng ông không còn tình cảm với bà H nên đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông R, bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn R đối với bà Nguyễn Thị Phương H.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn R và bà Nguyễn Thị Phương H có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1995 và Nguyễn Chiêm Tâm, sinh năm 1997. Hiện nay cả 02 con đều đủ tuổi thành niên nên không có yêu cầu gì. Do đó HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn R xác định ông và bà Nguyễn Thị Phương H tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận bà và ông Nguyễn R có 01 lô đất có diện tích 497m² tại xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đối với tài sản này tôi yêu cầu chia theo tỷ lệ 50/50. Bà H tạm tính giá trị lô đất này là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Tòa án đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung và đề nghị bà H thực hiện các thủ tục cần thiết để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà H không thực hiện việc đóng án phí chia tài sản chung, không làm các thủ tục theo quy định của pháp luật do đó HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

Bà Nguyễn Thị Phương H có quyền khởi kiện bằng một vụ án chia tài sản chung sau ly hôn khi có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn R và bà Nguyễn Thị Phương H xác nhận không có nợ chung, HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn R phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Nguyễn R đối với bà Nguyễn Thị Phương H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn R – Sinh năm 1971 được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương H – sinh năm 1974.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69, ngày 16/4/1993 của UBND xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

Ông Nguyễn R phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005646 ngày 13/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông R đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh Nam,
Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi